

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 23/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Giảng.
2. Bà Phạm Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Văn D**, sinh năm: 1997, tại: Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Danh Thị Ú; bị cáo sống với chị Nguyễn Thị Thu H như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, có 01 con sinh năm 2017. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến nay, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 210, ngày 15/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Bị cáo có mặt.

2/ **Trần Hoàng G**, sinh năm: 1999, tại Kiên Giang. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị T (chết), bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến nay, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 212, ngày 15/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Lê Văn H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Có mặt

2/ Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

3/ Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số 73/5 Khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình D. Vắng mặt

4/ Bà Võ Thị Thanh H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: 26/6 Đông Hồ, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/01/2019, Lê Văn D rủ Trần Hoàng G đi tìm tài sản để trộm cắp. D mượn xe mô tô biển kiểm soát 61T4-0787 của cha ruột là ông Lê Văn H, điều khiển chở G lưu thông dọc theo Quốc lộ 80, hướng từ H đi K nhưng không tìm được tài sản để trộm cắp. D tiếp tục điều khiển xe quay trở lại theo hướng H, đến đoạn đường thuộc tổ 3, khu phố X, thị trấn K, huyện K thì phát hiện chiếc xe cuốc của anh Trần Văn Đ đậu không người trông giữ. D dừng xe, kêu G ở ngoài trông chừng người qua lại, D lén lút đi vào dùng tay gỡ dây điện ra khỏi cọc bình trong xe, sau đó D cùng G mang 02 cái bình ắc quy hiệu GS loại 12V-100Ah, đã qua sử dụng và hiệu GS loại 12V-120Ah, đã qua sử dụng để lên xe mô tô và cả hai cùng chạy về hướng H, đến gần cầu Hà Giang thuộc tổ 4, ấp Ngã Tư, xã Thuận Yên, thành phố H bán lại cho ông Nguyễn Ngọc H được số tiền 870.000 đồng. D chia cho G 400.000 đồng, D giữ lại 400.000 đồng, còn 70.000 đồng để xăng xe. Đến ngày 14/01/2019, D và G tiếp tục điều khiển xe mô tô tìm kiếm tài sản để trộm cắp thì bị lực lượng tuần tra, kiểm tra hành chính, trong quá trình làm việc D và G đã khai nhận vào ngày 03/01/2019 có hành vi trộm cắp tài sản là 02 cái bình ắc quy trên xe cuốc của anh Trần Văn Đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/BKL-HĐĐGTS, ngày 16/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, kết luận: 01 (Một) bình ắc quy hiệu GS loại 12V-100Ah, đã qua sử dụng, có giá trị là 960.000 đồng. 01 (Một) bình ắc quy hiệu GS loại 12V-120Ah, đã qua sử dụng, có giá trị là 1.230.000 đồng. Tổng giá trị của 02 (Hai) bình ắc quy là 2.190.000đ (Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (Một) chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 61T4-0787, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-xám-bạc, đã qua sử dụng. Qua đối chiếu với kết quả tra cứu của Phòng cảnh sát Giao thông đường bộ Công an

tỉnh Kiên Giang thì giữa số khung và số máy thực tế không phù hợp với biển số xe, cụ thể như sau:

Phương tiện bị tạm giữ có số khung: RLCS5C6206Y003385, số máy: 5C62-003385, mang kiểm soát: 68S1-146.67, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-xám-bạc, mang tên chủ sở hữu là Võ Thị Thanh H, địa chỉ: Số 26/6 Đông Hồ, phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Biển kiểm soát 61T4-0787 gắn trên phương tiện bị tạm giữ thì mang tên chủ sở hữu Nguyễn Thị Hồng N, địa chỉ: Số 6/6 Bình Quới, Bình Chuẩn, Thuận An, Bình D, nhãn hiệu Vecsta, loại C110, màu xanh, số khung 003894, số máy 003894.

Hiện vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vật chứng không thu giữ được: 02 (Hai) cái bình ắc quy hiệu GS loại 12V-100Ah, đã qua sử dụng và hiệu GS loại 12V-120Ah, đã qua sử dụng.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKSKL, ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo Lê Văn D và Trần Hoàng G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Lê Văn D, tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Trần Hoàng G, tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Văn Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 3.800.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường xong nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giao trả lại chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát số 61T4-0787, hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen-xám-bạc, có số khung: RLCS5C6206Y003385, số máy: 5C62-003385, đã qua sử dụng cho ông Lê Văn H.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ông Trần Văn Đ yêu cầu các bị cáo Lê Văn D và Trần Hoàng G có trách nhiệm phải bồi thường cho ông số tiền là 3.800.000 đồng, nay gia đình bị cáo đã bồi xong nên ông không yêu cầu gì thêm. Ông Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ông Lê Văn H yêu cầu được nhận lại chiếc xe máy, vì đây là pH tiện chính và duy nhất của gia đình để kiếm sống hàng ngày, việc bị cáo D dùng xe vào việc trộm cắp tài sản thì ông hoàn toàn không hay biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo D và G tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 03/01/2019 tại khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Lê Văn D và Trần Hoàng G đã chiếm đoạt 01 (Một) bình ắc quy hiệu GS loại 12V-100Ah, đã qua sử dụng có giá trị là 960.000 đồng, 01 (Một) bình ắc quy hiệu GS loại 12V-120Ah, đã qua sử dụng có giá trị là 1.230.000 đồng. Tổng giá trị của 02 (Hai) bình ắc quy theo định giá có giá trị là 2.190.000 đồng. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị cáo D và G đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, cụ thể: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....”*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa pH, bị cáo nhận thức được quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm nhưng với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo có

trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo D có con nhỏ, hoàn cảnh gia đình bị cáo nhiều khó khăn. Bị cáo G mẹ mất sớm, không sống với cha, hoàn cảnh nhiều khó khăn. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình, giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo D mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Bị cáo G mức án từ 06 đến 09 tháng tù là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với các tình tiết của vụ án. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về vật chứng trong vụ án: Xét thấy đây là pH tiện chính, duy nhất kiểm soát hàng ngày của gia đình ông Lê Văn H, trong trường hợp này ông H hoàn toàn không biết các bị cáo sử dụng xe máy vào việc trộm cắp. Bà Võ Thị Thanh H là người đứng tên chủ pH tiện khai đã bán cho người khác không biết là ai và hiện tại không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với pH tiện này nên xét giao trả pH tiện là chiếc xe máy cho ông H người quản lý hợp pháp là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại. Nay bị hại không có yêu cầu gì khác nên miễn xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn D và Trần Hoàng G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng G 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho người bị hại số tiền là 3.800.000 đồng, bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho ông Lê Văn H 01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 61T4-0787, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh-đen, có số khung: RLCS5C6206Y003385, số máy: 5C62-003385, đã qua sử dụng.

Vật chứng hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang theo quyết định chuyển giao vật chứng số 22/QĐVKSKL, ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K và biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/5/2019.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Buộc bị cáo G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị Hồng N, Võ Thị Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Công an H. K;
- VKSND H. K;
- Chi cục THADS H. K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Pho